

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHÂU ĐỨC  
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU  
Bản án số: 62/2024/HNGĐ-ST

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Ngày 26/8/2024

V/v: “Ly hôn, tranh chấp con  
chung khi ly hôn”

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU ĐỨC, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngọ Văn Tinh.

Các Hội thẩm nhân nhân:

- Ông Trần Văn Hoa
- Ông Lê Ngọc Phi

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thúy – Cán bộ  
Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu tham  
gia phiên tòa: Bà Trần Thị Minh N – Kiểm sát viên

Ngày 26 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Đức, tỉnh Bà  
Rịa – Vũng Tàu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 232/2024/ TLST – HNGĐ  
ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc “Ly hôn, Tranh chấp con chung khi ly hôn”, theo  
Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 7 năm  
2024; quyết định hoãn phiên tòa số 48/2024/QĐST – HNGĐ ngày 06/8/2024 giữa các  
đương sự:

Nguyên đơn: Ông Đỗ Minh T, sinh năm: 1988 (có mặt)

Địa chỉ: Số C đường L, phường B, quận B, Tp ..

Bị đơn: Bà Đoàn Thị Rô L, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ G, thôn Q, xã N, huyện C, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

## NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/5/2024 và các biên bản làm việc tiếp theo tại  
Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn ông Đỗ Minh T trình bày như sau:

Ông Đỗ Minh T và bà Đoàn Thị Rô L sau một thời gian tìm hiểu đã tiến tới hôn  
nhân, có tổ chức lễ cưới và chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã P,  
huyện Đ, tỉnh Quảng Ngãi vào năm 2015 và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết  
hôn năm 2015. Việc chung sống với nhau và đăng ký kết hôn là tự nguyện, không ai ép  
buộc. Sau khi kết hôn vợ chồng lại tiếp tục chung sống tại nhà bà Rô L ở xã N, ông T  
làm việc tại Tp .., từ khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2019 thì vợ

chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và bà L vẫn sống nhà mẹ đẻ tại xã N còn ông T thì thỉnh thoảng mới về thăm con.

Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung nên không còn quan tâm đến nhau, ngoài ra trong cuộc sống bà Rô L và ông T không quan tâm đến nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng sống không hạnh phúc gia đình hai bên đã hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nuôi dưỡng con cái nhưng đến nay đã gần 06 năm sống ly thân thì mâu thuẫn giữa bà Rô L và ông T cũng không hóa giải được. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông T yêu cầu ly hôn với bà Đoàn Thị Rô L để có điều kiện xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: ông Đỗ Minh T và bà Đoàn Thị Rô L có 01 con chung là cháu Đỗ Minh K, sinh ngày 04/7/2019, hiện nay cháu K đang ở với bà Đoàn Thị Rô L, nếu ly hôn ông T đồng ý để bà Rô L nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà Đoàn Thị Rô L vắng mặt trong suốt quá trình tham gia tố tụng và không có ý kiến gửi Tòa án về việc ông T yêu cầu ly hôn và giải quyết con chung khi ly hôn.

*Phát biểu quan điểm của kiểm sát viên:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, là đúng trình tự, thủ tục tố tụng được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự, bị đơn vắng mặt tại các phiên tòa là chưa chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Qua xem xét nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN**

Sau khi xem xét các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng, thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp:*

Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa bà Đoàn Thị Rô L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa hai lần không có lý do, vì vậy xét xử vắng mặt bà Rô L là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Qua xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là “Ly hôn, tranh chấp con chung khi ly hôn” giữa ông Đỗ Minh T với bà Đoàn Thị Rô L nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Đức quy định tại Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về hôn nhân*: Quan hệ hôn nhân giữa ông **Đỗ Minh T** với bà **Đoàn Thị Rô L** bắt đầu từ năm 2016, có đăng ký kết hôn với nhau tại Ủy ban nhân dân xã **P**, huyện **Đ**, tỉnh **Quảng Ngãi** nên quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi đăng ký kết hôn, hai người chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn ông **T** cho rằng cuộc sống chung vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình hai người không hợp nhau, nên hay xảy ra xung đột, ngoài ra còn nguyên nhân kinh tế của gia đình cũng là nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa hôm nay ông **T** xác định mâu thuẫn hôn nhân đã trầm trọng và kéo dài, không thể hóa giải được và kiên quyết yêu cầu ly hôn. Từ năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn và ông **T** là việc tại **Tp**. còn bà **Rô L** và con chung vẫn ở nhà mẹ đẻ tại **xã N** sinh sống

Do bà **Rô L** vắng mặt và không có ý kiến trình bày nên Tòa án căn cứ vào chứng cứ nguyên đơn cung cấp khi khởi kiện cũng như trong suốt quá trình tham gia tố tụng, nhưng chứng cứ Tòa án thu thập làm căn cứ giải quyết vụ án.

Xét yêu cầu của ông **T** cho thấy sau khi mâu thuẫn xảy ra, lẽ ra bà **Rô L** và ông **T** phải cùng tìm nguyên nhân để hàn gắn vợ chồng và xây dựng gia đình nhưng mâu thuẫn kéo dài từ năm 2019 đến nay mạnh ai người đó sống, từ khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã không sống cùng nhà và không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, gia đình hai bên cũng đã tác động để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả.

Từ những nhận định nêu trên Hội đồng xét xử nhận thấy, tình cảm vợ chồng của bà **Rô L** và ông **T** thực sự không còn tình trạng hôn nhân nhân trầm trọng đời sống chung không thể kéo dài vì trong giai đoạn này là sự quyết liệt ly hôn của ông **T** và sự phó mặc của bà **Rô L** cho chính quan hệ hôn nhân đang rạn nứt của mình thì cơ hội đoàn tụ vợ chồng là không có. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông **T**.

[3]. *Về con chung*: Ông **Đỗ Minh T** và bà **Đoàn Thị Rô L** có 01 con chung là cháu **Đỗ Minh K**, sinh ngày 04/7/2019, hiện nay đang ở với bà **Đoàn Thị Rô L**, nếu ly hôn ông **T** đồng ý để bà **Rô L** nuôi dưỡng con chung và tự nguyện cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000đ.

Xét ý kiến của ông **T** cho thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay **Đỗ Minh K** vẫn sống cùng bà **Rô L**, quá trình giải quyết vụ án bà **Rô L** không đến Tòa án để trình bày về việc nuôi dưỡng con chung, do đó căn cứ vào điều kiện hiện nay nên cần chấp nhận ý kiến của ông **T**, giao cháu **Đỗ Minh K**, sinh ngày 04/7/2019 cho bà **Rô L** nuôi dưỡng là phù hợp. Ông **Đỗ Minh T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. *Về án phí*: Áp dụng Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 ông **T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng Điều 28, 35, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ông **Đỗ Minh T** được ly hôn với bà **Đoàn Thị Rô L**.

2. Về con chung: Ông **Đỗ Minh T** với bà **Đoàn Thị Rô L** có 01 con chung là cháu **Đỗ Minh K**, sinh ngày 04/7/2019, hiện nay đang ở với bà **Đoàn Thị Rô L**.

Bà **Đoàn Thị Rô L** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu **Đỗ Minh K**, sinh ngày 04/7/2019.

Ông **Đỗ Minh T** có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi cháu **Đỗ Minh K**, sinh ngày 04/7/2019 mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi cháu **K** đủ 18 tuổi.

Việc cấp dưỡng được thực hiện vào ngày 15 hàng tháng, kỳ cấp dưỡng đầu tiên được thực hiện vào ngày 15/9/2024.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành không thực hiện nghĩa vụ của mình thì phải chịu thêm khoản tiền lãi tính theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành án và số tiền chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; người không trực tiếp nuôi dưỡng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc chăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, khi có yêu cầu của cha hoặc mẹ hoặc của cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con. Khi có lý do chính đáng, có thể yêu cầu cấp dưỡng và mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

4. Về án phí: Ông **Đỗ Minh T** phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân & Gia đình ông **T** đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001024 ngày 06/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Đức. Như vậy ông **T** đã nộp đủ án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày để yêu cầu **Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu** xét xử phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận hoặc được niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Xuyên Mộc;
- Chi cục THADS huyện XM;
- UBND xã nơi ĐKKH;
- Tòa án tỉnh; VKSND tỉnh;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

**Ngọ Văn Tĩnh**